TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
DNTU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 19 (2023 - 2027)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 3 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 3, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**3**			
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
QT70001	Khám phá thế giới kinh doanh	2	30	30	0
TA70301	Key English 1*	3	45	45	0
TA70302	Key English 2*	3	45	45	0
TA70303	Key English 3*	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community*	2	30	30	0
HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0

CB70301	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
QT70003	Nguyên lý Quản trị	3	45	45	0
QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0
CB71401	Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội *	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
HỌC KỲ 3: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70302	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
QT70007	Quản trị marketing	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và PTBV	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0

CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)					
CB71402	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá*	1	30	0	30
CB71403	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông*	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
QT70005	Pháp luật về kinh doanh	3	45	45	0
QT70006	Phân tích định lượng trong kinh tế	2	45	15	30
QT70011	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0
QT70009	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)					
CB71405	Giáo dục thể chất 3 – Fitness*	1	30	0	30
CB71406	Giáo dục thể chất 3 – Dancesport*	1	30	0	30
CB71407	Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ*	1	30	0	30

CB71408	Giáo dục thể chất 3 – Võ thuật*	1	30	0	30
HỌC KỲ 5: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 09)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
QT70008	Quản trị chiến lược	3	45	45	0
QT70010	Quản trị tài chính	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)		**9**			
QT71001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0
QT71002	Hành vi tổ chức	3	45	45	0
QT71003	Làm việc và quản trị trong thế giới số	3	60	30	30
QT71004	Phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản trị	3	60	30	30
LH71009	Quản trị dịch vụ MICE	3	60	30	30
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 09)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
QT70012	Quản trị dự án	3	60	30	30
QT70013	Quản trị vận hành	3	60	30	30
QT70014	Thực tập chuyên ngành	3	90	0	0
QT70015	Tiếng anh thương mại	2	30	30	0
Tự chọn: Chọn 1/3 hướng sau:		**9**			
1. Hướng chuyên ngành Sales và Marketing (chọn 3/4 môn)					
QT71007	Digital Marketing	3	60	30	30

QT71008	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	60	30	30
QT71009	Quản trị bán hàng	3	60	30	30
QT71010	Quản trị quan hệ khách hàng	3	60	30	30
2. Hướng chuyên ngành Chuỗi cung ứng và Logistics					
QT71011	Nghiệp vụ hải quan	3	60	30	30
QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	30
QT71013	Quản trị logistics và kho hàng	3	60	30	30
3. Hướng chuyên ngành Quản trị nhân sự					
QT71014	Tuyển dụng và đào tạo	3	60	30	30
QT71015	Quan hệ lao động trong tổ chức	3	60	30	30
QT71016	Quản trị tiền lương và phúc lợi	3	60	30	30
HỌC KỲ 7: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
QT70016	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
QT71005	Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	30	0
QT71006	Đàm phán trong kinh doanh	2	30	30	0
DD70040	Thực hành sơ cấp cứu ban đầu	2	0	60	0
HỌC KỲ 8: 8 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 08, tự chọn: 00)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***8***			
QT70017	Khóa luận tốt nghiệp	8	120	120	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***8***			
QT70018	Quản trị đổi mới trong kinh doanh	4	90	30	60

QT70019	Thiết kế mô hình kinh doanh	4	90	30	60